

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 08/2020/TT-BGD&ĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quyết định số 1683/QĐ-BGDĐT ngày 17/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2022; Công văn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/06/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ kết luận của Hội đồng trường, Trường Đại học Y khoa Vinh tại phiên họp ngày 30/03/2022;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Vinh (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2022 là căn cứ để tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh trình độ đại học năm 2022 tại Trường Đại học Y khoa Vinh, có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học năm 2022, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan và các thí sinh đăng ký dự thi/xét tuyển trình độ đại học vào Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2022 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh Nghệ An (b/c);
- BGH (để chỉ đạo)
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Tổ CNTT (để đăng website)
- Lưu VT-ĐT.



Nguyễn Cảnh Phú



UBND TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐHYK VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 23 tháng 06 năm 2022

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 660/QĐ-ĐHYKV ngày 23/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y khoa Vinh

Tên tiếng Anh: Vinh Medical University (tên viết tắt: VMU).

1.2. Mã trường: YKV

1.3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 161 - Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.vmu.edu.vn>

1.5. Địa chỉ các trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh: Không.

1.6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0383.524.062 - 0967787489.

1.7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm như sau:

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Y khoa	Đại học	350	359	327	91.13
Y học dự phòng	Đại học	50	41	31	87.1
Điều dưỡng	Đại học	300	292	262	82.44
Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	50	56	49	85.71
Y tế công cộng	Đại học	50	13	11	72.73
Tổng	Đại học	800	761	680	86.91

1.8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/tuyen-sinh/thong-bao-ket-qua-xet-tuyen-trinh-do-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2021-a9266>

1.8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

1.8.1.1. *Tuyển sinh đại học chính quy*: Xét tuyển với 3 phương thức

- Xét tuyển thẳng;
- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia;
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét học bạ THPT).

1.8.1.2. *Tuyển sinh đại học Vừa làm vừa học hệ liên thông*: Thi tuyển sinh.

1.8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Y đa khoa (B00)	Xét tuyển	400	412	25,4	400	391	25,7
2.	Y học dự phòng (B00)	Xét tuyển	50	11	19,0	30	19	19,0
3.	Dược học (A00, B00)	Xét tuyển	100	133	23,0	150	165	24,0
4.	Điều dưỡng (B00)	Xét tuyển	200	157	19,0	250	256	19,0
5.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học (B00)	Xét tuyển	50	46	21,0	50	66	22,5
6.	Y tế công cộng (B00)	Xét tuyển	50	0	19,0	30	0	19,0
7.	Điều dưỡng liên thông từ cao đẳng (VLVH)	Thi tuyển	100	82	21,75	100	77	22,0
	Tổng		950	841		1010	974	

1.9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-cao>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1.	Y khoa	7720101	392/QĐ-BGDĐT	19/01/2011	2011	2021
2.	Y học dự phòng	7720110	2597/QĐ-BGDĐT	22/07/2015	2015	2021
3.	Dược học	7720201	4452/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	2018	2021
4.	Điều dưỡng	7720301	392/QĐ-BGDĐT	19/01/2011	2011	2021
5.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2368/QĐ-BGDĐT	08/07/2016	2016	2021
6.	Y tế công cộng	7720701	2633/QĐ-BGDĐT	24/07/2015	2015	2021
7.	Điều dưỡng liên thông (VLVH)	7720301	4604/QĐ-BGDĐT	16/10/2014	2015	2021

1.10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Phụ lục 01)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-cao>

1.11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-cao>

1.12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-cao>

1.13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu có) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-cao>

1.14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-cao>

¹ Thực hiện từ năm 2023

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.1.1. Đối tượng dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh .

2.3.1. Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT:

- *Áp dụng cho các ngành:* Y khoa, Dược học.
- *Đối tượng xét tuyển thẳng:* Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, thuộc các lĩnh vực: Toán học, Tin học, Hóa học, Sinh học, Hóa sinh, Y sinh và Khoa học sức khỏe; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

2.3.2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, 2021, 2022):

- *Áp dụng cho tất cả các ngành.*
- *Các ngành Y khoa, Y học dự phòng, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:* Xét tuyển theo tổ hợp môn B00 (Toán - Hóa - Sinh).
- *Ngành Dược học:* Xét tuyển theo tổ hợp môn B00 (Toán - Hóa - Sinh) hoặc tổ hợp môn A00 (Toán - Lý - Hóa).

2.3.3. Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Xét học bạ THPT):

- *Áp dụng tuyển sinh các ngành:* Y học dự phòng, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học; Không áp dụng đối với ngành Y khoa và ngành Dược học.
- *Xét tuyển theo điểm tổng kết cả năm các môn học:* Toán - Hóa - Sinh (tổ hợp môn B00) của năm cuối cấp (lớp 12).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	7720101	Y khoa	100	Xét KQ thi THPT	396	B00	-	-	-
			301	Xét tuyển thẳng	4				
2.	7720110	Y học dự phòng	100	Xét KQ thi THPT	15	B00	-	-	-
			200	Xét học bạ	15	B00	-	-	-
3.	7720201	Dược học	100	Xét KQ thi THPT	148	B00	-	A00	-
			301	Xét tuyển thẳng	2				
4.	7720301	Điều dưỡng	100	Xét KQ thi THPT	150	B00	-	-	-
			200	Xét học bạ	100	B00	-	-	-
5.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét KQ thi THPT	25	B00	-	-	-
			200	Xét học bạ	25	B00	-	-	-
6.	7720701	Y tế công cộng	100	Xét KQ thi THPT	15	B00	-	-	-
			200	Xét học bạ	15	B00	-	-	-
Tổng					910				

2.5. Ngưỡng đầu vào.

Theo quy định ngưỡng chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe.

² Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

2.6. Các thông tin cần thiết khác

2.6.1. Mã trường: YKV

2.6.2. Mã ngành, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển: Xem mục 2.4.

2.6.3. Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Trong một ngành, mỗi phương thức xét tuyển độc lập. Thí sinh có thể đăng ký nhiều phương thức. Khi xét tuyển, thí sinh đã trúng tuyển phương thức này sẽ không được tham gia xét tuyển bởi các phương thức tuyển sinh khác.

- Trong một phương thức xét tuyển: Xét tuyển chung, không quy định điểm chênh lệch giữa các năm tốt nghiệp THPT (*Xét học bạ*), các kỳ thi THPT (*Xét điểm thi THPT*) và các tổ hợp môn (*ngành Dược học*).

- Trường hợp không tuyển đủ chỉ tiêu của từng phương thức trong mỗi ngành, sẽ dành chỉ tiêu còn lại cho phương thức xét tuyển khác trong cùng một ngành.

- Trường hợp không tuyển đủ chỉ tiêu của từng ngành, sẽ dành chỉ tiêu còn lại cho các ngành khác trong cùng lĩnh vực.

- Điểm trúng tuyển: Không được thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

2.7.1. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

2.7.1.1. Đăng ký dự tuyển:

a) Hình thức đăng ký: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tiếp, bằng cách nộp hồ sơ dự tuyển về Trường đại học Y khoa Vinh.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học năm 2022 (*theo mẫu 01*).

- 01 bản photocopy có công chứng các giấy tờ minh chứng thuộc đối tượng xét tuyển thẳng.

c) Thời gian nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trước 17 giờ 00' ngày 15/07/2022.

d) Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc bằng thư chuyển phát nhanh (*Nếu nộp bằng thư chuyển phát nhanh, thời gian tính theo dấu bưu điện*).

e) Địa điểm nhận hồ sơ:

- Nơi nhận: Phòng Đào tạo Trường Đại học Y khoa Vinh

- Địa chỉ: 161-Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Số điện thoại: 0383.524.062 - 0967787489

2.7.1.2. *Xét trúng tuyển*: Xét theo chỉ tiêu tuyển thẳng của mỗi ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký vượt quá chỉ tiêu xét tuyển thẳng, Nhà trường xét theo tiêu chí ưu tiên:

- Ưu tiên 1: Thứ tự đạt giải;
- Ưu tiên 2: Điểm trung bình chung học tập lớp 10, lớp 11, lớp 12.

2.7.1.3. *Thông báo kết quả và xác nhận nhập học*:

- Thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển tại cổng thông tin điện tử của trường; Cập nhật danh sách trúng tuyển lên hệ thống trước ngày 21/07/2022.

- Xác nhận nhập học: Bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 22/07/2022 đến 17h00' ngày 20/08/2022.

2.7.2. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm (Đối với phương thức xét tuyển theo học bạ THPT)

2.7.2.1. *Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển*:

Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên, hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Điều dưỡng, ngành Y học dự phòng và Kỹ thuật xét nghiệm y học.

2.7.2.2. *Đăng ký dự tuyển*:

a) Hình thức đăng ký: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tiếp, bằng cách nộp hồ sơ dự tuyển về Trường đại học Y khoa Vinh.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển học bạ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển đại học năm 2022 (mẫu 02 đính kèm)
 - 01 bản photocopy có công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022).

- 01 bản photocopy có công chứng Học bạ THPT.

- 01 bản photocopy có công chứng các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).

- 02 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh.

c) Thời gian nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trước 17 giờ 00' ngày 15/07/2022.

d) Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc bằng thư chuyển phát nhanh (Nếu nộp bằng thư chuyển phát nhanh, thời gian tính theo dấu bưu điện).

e) Địa điểm nhận hồ sơ:

- Nơi nhận: Phòng Đào tạo Trường Đại học Y khoa Vinh

- Địa chỉ: 161-Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Số điện thoại: 0383.524.062 - 0967787489

2.7.2.3. Xét đủ điều kiện trúng tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng của điểm tổng kết năm cuối cấp (*lớp 12*) các môn học theo thang điểm 10 đối với từng môn học của tổ hợp xét tuyển (B00), cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Nhà trường xét tuyển theo chỉ tiêu của mỗi ngành. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (*nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất*).

2.7.2.4. Thông báo kết quả xét tuyển:

Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển tại cổng thông tin điện tử của trường; Cập nhật danh sách trúng tuyển lên hệ thống trước ngày 21/07/2022.

2.7.3. Tổ chức đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT.

2.7.3.1. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022

Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống (*qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua cổng dịch vụ Quốc gia*) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.7.3.2. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2022

a) Hình thức đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tuyến trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Đồng thời nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển về Trường Đại học Y khoa Vinh.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển đại học năm 2022 (*mẫu 03 đính kèm*)
- 01 bản photocopy có công chứng bằng tốt nghiệp THPT.
- 01 bản photocopy có công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi THPT (*có tổ hợp môn xét tuyển*).

- 01 bản photocopy có công chứng các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (*nếu có*).

- 02 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh.

c) Thời gian nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trước 17 giờ 00' ngày 20/08/2022.

d) Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc bằng thư chuyển phát nhanh (*Nếu nộp bằng thư chuyển phát nhanh, thời gian tính theo dấu bưu điện*).

e) Địa điểm nhận hồ sơ:

- Nơi nhận: Phòng Đào tạo Trường Đại học Y khoa Vinh

- Địa chỉ: 161-Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Số điện thoại: 0383.524.062 - 0967787489

2.7.4. Tổ chức đăng ký và xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

2.7.4.1. Đối tượng đăng ký xét tuyển trên hệ thống

Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch tuyển sớm) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua cổng dịch vụ Quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.7.4.2. Khai báo thông tin đăng ký dự tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Thời gian

- Thí sinh tốt nghiệp năm 2022: Từ ngày 01/7/2022 đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2022, theo hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo, thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để rà soát kết quả điểm học tập (học bạ) cấp trung học phổ thông (THPT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (Hệ thống) và phải phản ánh lại với thầy, cô có trách nhiệm nơi thí sinh học cấp THPT để sửa sai (nếu có).

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2022 (thí sinh tự do) nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống phải thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển (NVXT), cụ thể từ ngày 12/7/2022 đến ngày 18/7/2022.

b) Địa điểm khai báo: Tại các điểm tiếp nhận thông tin và cấp tài khoản cho thí sinh (theo quy định và hướng dẫn của Sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú).

2.7.4.3. Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (NVXT)

- Việc đăng ký NVXT đối với các phương thức xét tuyển phải thực hiện theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (xem hướng dẫn tại Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia).

- Thời gian: Từ 22/07/2022 đến 17 giờ 00' ngày 20/08/2022.

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin (nhập, sửa, xem) thông tin của thí sinh trên Hệ thống;

- Các nguyện vọng của thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành, các phương thức tuyển sinh được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

- Tất cả các NVXT của thí sinh theo các phương thức xét tuyển được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo điều kiện trúng tuyển;

2.7.4.4. Xác nhận số lượng, thứ tự NVXT, nộp lệ phí xét tuyển.

- Thời gian: Từ ngày 21/8/2022 đến ngày 17 giờ 00 ngày 28/8/2022.
- Thí sinh phải xác nhận số lượng, thứ tự NVXT trên Hệ thống đồng thời nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến.
- Khi thí sinh chưa xác nhận số lượng, thứ tự nguyện vọng hoặc chưa nộp lệ phí xét tuyển thì Hệ thống chưa chấp nhận việc đăng ký NVXT của thí sinh.

2.7.4.5. Tổ chức xét tuyển

- Xét tuyển thẳng: Hoàn thành công tác xét tuyển thẳng, thông báo kết quả cho thí sinh, cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển lên hệ thống trước 17 giờ ngày 21/07/2022.
- Xét tuyển theo phương thức xét học bạ: Tổ chức xét tuyển sớm và hoàn thành công tác xét tuyển sớm, thông báo kết quả cho thí sinh, cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển lên hệ thống trước 17 giờ ngày 21/07/2022.
- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo kết quả trúng tuyển trước 17 giờ 00' ngày 17/09/2022.

2.7.4.6. Xác nhận nhập học:

- Xét tuyển thẳng: Thí sinh xác nhận nhập học trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT từ ngày 22/7/2022 đến 17 giờ 00' ngày 20/8/2022.
- Các phương thức xét tuyển khác: Thí sinh xác nhận nhập học trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT trước 17 giờ 00' ngày 30/9/2022.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.8.1. Ưu tiên đối tượng và khu vực: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a) Ưu tiên theo khu vực

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

- Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

+ Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

+ Học sinh có nơi thường trú (*trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp*) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

b) Ưu tiên theo đối tượng chính sách

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (*gồm các đối tượng 01 đến 04*) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (*gồm các đối tượng 05 đến 07*) là 1,0 điểm;

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

2.8.2. Ưu tiên xét tuyển khác

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, thuộc các lĩnh vực: Toán học, Tin học, Hóa học, Sinh học, Hóa sinh, Y sinh và Khoa học sức khỏe; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển (*không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng*). Mức điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh là:

- Giải nhất: được cộng 3,0 điểm
- Giải nhì: được cộng 2,5 điểm
- Giải ba: được cộng 2,0 điểm
- Giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia: được cộng 1,5 điểm.

Điểm ưu tiên xét tuyển này được tính độc lập so với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng chính sách ở mục 8.1.

2.9. Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyên vọng đăng ký xét tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Thu theo Quyết định số 659/QĐ-ĐHYKV ngày 22/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh. Năm học 2022-2023, mức thu theo từng ngành như sau:

- Các ngành Y khoa và Dược học: 2.300.000 đồng/tháng/sinh viên
- Ngành Y học dự phòng: 2.000.000 đồng/tháng/sinh viên
- Các ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học: 1.750.000 đồng/tháng/ sinh viên

- Ngành Y tế công cộng: 1.430.000 đồng/tháng/sinh viên.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh đợt bổ sung

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

- Nhà trường sẽ Thông báo kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển đợt bổ sung từ ngày 01/10/2022.

- Điều kiện xét tuyển đợt bổ sung đối với các ngành theo từng phương thức xét tuyển, nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2.12. Các nội dung khác

2.13. Tài chính:

2.13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 92.000.000.000 đồng/năm

2.13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 22.500.000 đồng.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC (Liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học).

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao>.

3.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

3.1.1. Đối tượng

- Tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

3.1.2. Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh đăng ký dự thi phải có chứng chỉ hành nghề và phải đạt một trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại khá;
- Hoặc tốt nghiệp THPT loại khá;
- Hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên (*Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT là trung bình cộng điểm trung bình các môn học (ĐTBcm) cả năm của 3 năm học THPT*). Cụ thể: $(\text{ĐTBcm cả năm lớp 10} + \text{ĐTBcm cả năm lớp 11} + \text{ĐTBcm cả năm lớp 12})/3 \geq 6,5$.
- Hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- Hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên.

3.2. Vùng tuyển: Tuyển sinh trong cả nước.

3.3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

3.4. Mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh

Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)	Hình thức đào tạo	Hệ đào tạo
YKV	7720301	Điều dưỡng	150	Vừa làm vừa học	Đào tạo liên thông

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Các thí sinh có điểm thi của mỗi môn thi Toán, Giải phẫu - Sinh lý, Chuyên ngành phải đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

3.6. Tổ chức tuyển sinh:

3.6.1. Hình thức thi: Trường tự tổ chức thi tuyển sinh

3.6.2. Môn thi: Thi 3 môn

- Môn cơ bản: môn Toán (theo chương trình THPT hiện hành).
- Môn cơ sở ngành: Giải phẫu - Sinh lý.
- Môn chuyên ngành: Điều dưỡng cơ bản; Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa; Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa; Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng; Chăm sóc sức khỏe trẻ em.

3.6.3. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

(1) Phiếu đăng ký dự thi tuyển sinh.

(2) Đơn xin dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp.

- (3) Sơ yếu lý lịch.
- (4) Giấy xác nhận thời gian công tác.
- (5) Bản sao có công chứng các giấy tờ sau:
 - Bằng tốt nghiệp và học bạ/bảng điểm THPT hoặc tương đương.
 - Bằng tốt nghiệp và bảng điểm Cao đẳng Điều dưỡng.
 - Chứng chỉ hành nghề
 - Chứng minh nhân dân/ Thẻ Căn cước công dân.
- (6) Công văn cử đi thi của cơ sở y tế (nếu có).
- (7) Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh (nếu có).
- (8) Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập do cơ sở khám, chữa bệnh cấp.
- (9) Ba ảnh 4x6 có ghi phía sau ảnh: họ tên, ngày sinh.

3.6.4. Thời gian tuyển sinh dự kiến

- Thời gian phát hành hồ sơ tuyển sinh: Từ ngày 23/06/2022.
- Thời gian nhận hồ sơ: 04/07/2022 đến hết ngày 31/07/2022 (*sáng từ 8h00' đến 11h00'; chiều 14g00' đến 16h30'; trừ thứ 7 và Chủ nhật*).
- Thời gian ôn thi: 01/08/2022 đến 31/08/2022
- Thời gian thi: 17-18/09/2022
- Thời gian công bố kết quả thi: 03/10/2022
- Thời gian nhận đơn phúc khảo: 03-14/10/2022
- Thời gian nhập học: 05/11/2022.

3.6.5. Địa điểm

- Địa điểm phát hành hồ sơ, nhận hồ sơ đăng ký dự thi: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Y khoa Vinh.
- Địa điểm thi và đào tạo: Trường Đại học Y khoa Vinh (*161- Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, Nghệ An*).

3.6.6. Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 10 đối với từng môn thi cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
- Điểm trúng tuyển: Là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo.

3.7. Chính sách ưu tiên về khu vực và đối tượng: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm).

3.8. Lệ phí xét tuyển/thí tuyển

- Phí đăng ký, xử lý và xét hồ sơ dự thi: 200.000 đồng/thí sinh.
- Phí dự thi : 100.000 đồng/môn x 3 môn = 300.000 đồng/thí sinh.

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên

Tạm thu theo Quyết định số 659/QĐ-ĐHYKV ngày 22/06/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYK. Năm học 2022-2023: 2.450.000 đồng/tháng/sinh viên

CÁN BỘ KÊ KHAI**Nguyễn Quốc Đạt**

SĐT: 0945728898;

Email: quocdat@vmu.edu.vn

**Nguyễn Cảnh Phú**

Phụ lục 01: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		10
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		10
2.1	Lĩnh vực sức khỏe		10
2.1.1	Ngành thạc sĩ Y tế công cộng	8720701	10
B	ĐẠI HỌC		4200
3	Đại học chính quy		4041
3.1	Chính quy		4041
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ ĐH)		4041
3.1.2.1	Lĩnh vực sức khỏe		4041
3.1.2.1.1	Y khoa	7720101	2230
3.1.2.1.2	Y học dự phòng	7720110	164
3.1.2.1.3	Dược học	7720201	468
3.1.2.1.4	Điều dưỡng	7720301	714
3.1.2.1.5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	194
3.1.2.1.6	Y tế công cộng	7720701	0
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Sức khỏe		
3.2.1.1	Y khoa	7720101	271
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
4	Đại học vừa làm vừa học		159
4.1	Vừa làm vừa học		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		159
4.3.1	Lĩnh vực sức khỏe		159
4.3.1.1	Ngành Điều dưỡng	7720301	159

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 31,4 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 1000
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 28.580 m²

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	300
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	19	4.000
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	1.200
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	10	800
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	04	280
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	32	3.000
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.000
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
3.1.	Khu thực hành, thí nghiệm	24	3.000
3.2.	Bệnh viện Trường ĐHYK Vinh	01	13.000
3.3.	Cơ sở thực hành, thực tập ngoài trường (Bệnh viện, trung tâm y tế trên địa bàn Tỉnh Nghệ An)	25	
	Tổng		28.580